

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Đạt và bà Hà Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2025/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phùng Tài M** - có mặt.

Nơi cư trú: **thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.**

- Bị đơn: anh **Tăng Văn N** - có mặt.

Nơi cư trú: **thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị **P** Tài Múi trình bày: chị **M** đăng ký kết hôn với anh **Tăng Văn N** vào năm 2016 tại **UBND xã H, huyện T**, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng hai vợ chồng đã chung sống với nhau từ năm 2014. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hòa hợp, luôn xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 không còn quan tâm đến nhau. Nay chị **M** thấy không còn tình cảm với anh **N**, nên đề nghị được ly hôn anh **N**.

Về con chung: vợ chồng chị **M** có 01 con chung là cháu **Tăng Quốc T**, sinh ngày 05/5/2016, nếu ly hôn chị **M** đề nghị giao con chung cho anh **N** nuôi dưỡng, chị **M** sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: chị **M** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh **Tăng Văn N** có lời khai trình bày: về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị **M** trình bày là đúng. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, là do tự chị **M** bỏ nhà đi từ tháng 3/2017 đến nay. Nay chị **M** xin ly hôn thì anh **N** thấy cũng không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh **N** và chị **M** có 01 con chung như chị **M** đã trình bày, nếu ly hôn anh **N** đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị **M** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ khi chị **M** bỏ nhà đi để con chung cho một mình anh **N** nuôi dưỡng từ tháng 3/2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hoặc chị **M** cấp dưỡng tiền nuôi con một lần là 100.000.000đ nhưng phải giao trả tiền ngay cho anh **N**.

Về tài sản chung: anh **N** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà có quan điểm: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về tình cảm: xét thấy chị **M** và anh **N** đều xác định không thể tiếp tục chung sống, đều nhất trí ly hôn nên cho chị **M** và anh **N** được ly hôn.

Về con chung: chị **M**, anh **N** đã thống nhất được với nhau và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao cho anh **N** nuôi dưỡng con chung.

Về mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng: nhất trí với sự thống nhất của anh **N** và chị **M** là chị **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 2.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 03/2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị **M** và anh **N** không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: trong quá trình giải quyết vụ án chị **M** và anh **N** đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn. Xét lời trình bày của chị **M**, anh **N**, xác minh tại địa phương thì thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **M** và anh **N** đã ở mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra hiện nay chị **M** và anh **N** cũng đang sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa nên cho chị **M** và anh **N** được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: chị **M** và anh **N** đã thống nhất được với nhau và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao cho anh **N** nuôi dưỡng con chung là cháu **Tăng Quốc T**.

Về mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung: chị **M** sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2017 (là thời điểm chị **M** bỏ nhà đi để con lại cho một mình anh **N** chăm sóc) đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Trong đó số tiền cấp dưỡng từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2026 là $108\text{tháng} \times 2.000.000\text{đ} = 216.000.000$ đồng, chị **M** sẽ hoàn trả cho anh **N**, còn kể từ tháng 4/2026 mỗi tháng chị **M** sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ. Thấy rằng sự thống nhất của chị **M** và anh **N** là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị **M**, anh **N** không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: chị **M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phùng Tài M**.

Cho chị **Phùng T1 M** Múi được ly hôn anh **Tăng Văn N**.

Về con chung: giao cho anh **Tăng Văn N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Tăng Quốc T**, sinh ngày 05/5/2016 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **M** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc chị **Phùng T1 M** phải hoàn trả cho anh **Tăng Văn N** số tiền cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2026 là 216.000.000 (*hai trăm mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bên đương sự được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ: khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí.

Buộc chị **Phùng T1 M** Múi phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền

300.000đ tạm ứng án phí mà chị **M** đã nộp theo biên lai số 0001616 ngày 29/10/2025 của **THADS tỉnh Q.**

Căn cứ Điều 271, 273 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho chị **M**, anh **N** biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Điện Xá;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải